



SAVICO

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3

Năm 2016

**SAVICO**

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM

Mẫu số B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 3 năm 2016

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		192.304.597.907	219.927.843.281
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	58.983.179.987	59.633.992.414
1. Tiền	111		7.983.179.987	4.633.992.414
2. Các khoản tương đương tiền	112		51.000.000.000	55.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	40.824.391.614	39.752.240.593
1. Đầu tư ngắn hạn	121		55.253.871.614	55.598.086.912
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(14.429.480.000)	(15.845.846.319)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.863.792.011	42.839.359.050
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	1.611.437.033	1.293.473.970
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		225.364.000	1.429.441.506
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	20.026.990.978	40.116.443.574
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	70.448.066.331	77.468.908.522
1. Hàng tồn kho	141		92.423.640.992	99.444.483.183
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.975.574.661)	(21.975.574.661)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		185.167.964	233.342.702
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12b	-	233.342.702
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		185.167.964	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		894.319.151.372	914.662.797.104
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		117.906.725.490	189.244.305.575
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	-	72.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		118.872.852.815	119.074.812.815
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(966.127.325)	(1.830.507.240)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		3.468.390.709	54.097.975.075
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.224.243.066	4.756.213.171
- Nguyên giá	222		10.395.165.703	13.500.067.407
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.170.922.637)	(8.743.854.236)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	244.147.643	49.341.761.904
- Nguyên giá	228		785.870.000	54.721.011.809
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(541.722.357)	(5.379.249.905)
III. Bất động sản đầu tư	240	V.9	109.486.278.886	170.916.009.617
- Nguyên giá	241		154.365.478.645	218.141.983.365
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(44.879.199.759)	(47.225.973.748)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.6	84.848.266.934	77.531.507.069
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		84.848.266.934	77.531.507.069
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	576.705.499.354	420.969.009.769
1. Đầu tư vào công ty con	251		472.732.771.814	328.022.971.814
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		116.598.709.000	97.958.709.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	1.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(12.625.981.460)	(6.012.671.045)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		1.903.989.999	1.903.989.999
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.16	1.903.989.999	1.903.989.999
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.086.623.749.279	1.134.590.640.385
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		415.269.414.959	463.521.721.326
I. Nợ ngắn hạn	310		233.814.095.417	293.338.606.240
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	235.624.395	2.711.069.757
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.632.219.471	6.547.215.183
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12a	2.900.612.721	12.435.385.001
4. Phải trả người lao động	314		6.012.176.073	18.248.557.067
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13a	12.878.735.160	11.346.547.839
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	1.023.262.366	1.243.818.186
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	159.593.655.301	185.973.949.211
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10a	36.907.195.770	44.614.321.142
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.630.614.160	10.217.742.854

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
II. Nợ dài hạn	330		181.455.319.542	170.183.115.086
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15	50.223.333.298	50.833.333.300
5. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	131.231.986.244	113.226.399.896
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10b	-	6.123.381.890
7. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
8. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.16	-	-
10. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.17	671.354.334.320	671.068.919.059
I. Vốn chủ sở hữu	410	a	671.354.334.320	671.068.919.059
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	b	249.955.730.000	249.955.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249.955.730.000	249.955.730.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(690.474.358)	(690.474.358)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.938.303.806	24.938.303.806
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		80.085.916.569	79.800.501.308
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		41.858.730.424	39.811.077.785
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		38.227.186.145	39.989.423.523
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.086.623.749.279	1.134.590.640.385

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Phong

Kế toán trưởng



Ngô Văn Danh

Ngày 25 tháng 10 năm 2016



Tổng Giám đốc

Mai Việt Hà

CĐKT



Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM

Mẫu số B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			2016	2015	2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	17.135.285.033	174.885.523.194	69.065.978.437	225.276.875.921
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	322.700.000	-	322.700.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		17.135.285.033	174.562.823.194	69.065.978.437	224.954.175.921
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	7.448.560.772	222.908.747.736	32.068.670.297	248.375.256.341
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.686.724.261	(48.345.924.542)	36.997.308.140	(23.421.080.420)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.674.610.351	64.495.155.468	34.570.266.290	87.840.450.755
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.5	966.032.299	1.042.496.801	9.342.968.168	4.545.438.575
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		883.012.601	1.021.714.421	2.275.684.794	4.063.847.357
8. Chi phí bán hàng	24		640.811.339	379.375.605	1.906.724.887	1.100.295.103
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.727.378.788	6.925.216.264	19.237.883.126	18.968.971.019
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.027.112.186	7.802.142.256	41.079.998.249	39.804.665.638
11. Thu nhập khác	31	VI.6	68.479.318	135.111.235	264.382.756	586.047.366
12. Chi phí khác	32	VI.7	913	(2.046.942.788)	427.490.675	(33.733.115)
13. Lợi nhuận khác	40		68.478.405	2.182.054.023	(163.107.919)	619.780.481
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		4.095.590.591	9.984.196.279	40.916.890.330	40.424.446.119
- Trong đó: Thu nhập không chịu thuế			2.108.205.000	1.209.027.200	27.821.579.164	16.698.531.014
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	VI.9	397.477.118	1.930.537.197	2.689.704.185	5.220.180.796
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	VI.10	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		3.698.113.473	8.053.659.082	38.227.186.145	35.204.265.323

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Phong

Kế toán trưởng

Ngô Văn Danh

Ngày 25 tháng 10 năm 2016

Tổng Giám đốc



Mai Việt Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Quý 3 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			2016	2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.916.890.330	30.440.249.840
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		(2.287.283.316)	3.802.862.809
- Các khoản dự phòng	03		4.332.564.181	421.315.238
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(33.045.236.324)	(28.656.161.895)
- Chi phí lãi vay	06		2.275.684.794	3.042.132.936
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.192.619.665	9.050.398.928
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21.225.701.777	6.639.965.642
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.020.842.191	36.173.283.894
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(28.821.277.499)	33.243.924.966
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.472.142.628)	(2.953.326.835)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(10.843.615.585)	(1.817.067.950)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		38.576.000	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.659.296.079)	80.337.178.645
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.173.703.618)	(67.209.152.888)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	20.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		72.000.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(42.949.800.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.393.786.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		33.350.875.622	18.063.365.287
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		50.227.372.004	(27.752.001.601)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.1	39.644.966.900	581.574.640
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(53.475.474.162)	(63.821.329.470)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(35.388.381.090)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(49.218.888.352)	(63.239.754.830)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(650.812.427)	(10.654.577.786)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		59.633.992.414	46.270.712.230
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		58.983.179.987	35.616.134.444

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 10 năm 2016
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Ngô Văn Danh

BCLCTT





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÍ 3 NĂM 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ thương mại - Bất động sản –Đầu tư tài chính
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Dịch vụ thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy các loại;
 - Dịch vụ bất động sản: kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, nhà kho, trung tâm thương mại;
 - Đầu tư tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và cổ phiếu của các đơn vị khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng;

5. Cấu trúc doanh nghiệp

a. Danh sách các Công ty con:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Savico
 - Địa chỉ: 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 99,5%
2. Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Đà Nẵng Sơn Trà
 - Địa chỉ: Bãi Trẹm, Quận Sơn Trà , TP.Đà Nẵng
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 98%
3. Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu
 - Địa chỉ: Lô E1-1 Đường Võ Nguyên Giáp, khu vực Thạnh Lợi, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 93%
4. Công ty cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh
 - Địa chỉ: 55/5 khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 90%
5. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 164-166C Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 88,12%
6. Công ty Cổ Phần Ô Tô Sài Gòn Cửu Long
 - Địa chỉ: 274 đường 30/4 - Quận Ninh Kiều - Cần Thơ

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tỷ lệ phần sở hữu là: 84,17%
- 7. Công ty Cổ Phần Ôtô Tây Bắc Sài Gòn
 - Địa chỉ: 43/7A Ấp Xuân Thới Đông 2, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Tp.HCM
 - Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 80%
- 8. Công ty Cổ Phần OTOS
 - Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 77,1%
- 9. Công Ty Cổ Phần Savico Hà Nội.
 - Địa chỉ: 7-9 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Tp.Hà Nội.
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 70%
- 10. Công Ty Cổ phần Savico Đà Nẵng.
 - Địa chỉ: 66 Võ Văn Tần, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 70%
- 11. Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao.
 - Địa chỉ: 12-14-16 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 59,62%
- 12. Công Ty Cổ phần dịch vụ Sài Gòn Ôtô.
 - Địa chỉ: 61A Cao Thắng, Quận 03, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 52,05%
- 13. Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giải Phóng.
 - Địa chỉ: 807 Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 51%
- 14. Công Ty TNHH Ôtô TOYOTA Cần Thơ.
 - Địa chỉ: 71 Hùng Vương, P.Thới Bình, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ.
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 51%

b. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

1. Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt
 - Địa chỉ: 188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 51%
2. Công ty Cổ Phần Ôtô Bắc Âu (Volvo)
 - Địa chỉ: 340-340A Nguyễn Văn Linh, Phường Bình Thuận, Quận 7, Tp.HCM;
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 32%.
3. Công ty Cổ Phần Ôtô Sao Tây Nam (Hyundai Cần Thơ)
 - Địa chỉ: 91 Cách Mạng Tháng 8, P.An Thới, Quận Bình Thủy, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ phần sở hữu: 40%
4. Công Ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi.
 - Địa chỉ: 384A Kha Vạm Cân, KP5, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, Tp.HCM

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tỷ lệ phần sở hữu là: 40%
- 5. Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 507 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 35,16%
- 6. Công Ty Cổ phần dịch vụ Ô Tô Thành Phố Mới Bình Dương (Binhdương Ford)
 - Địa chỉ: Lô C13, Đường Nguyễn Huệ, Khu Liên hợp, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương;
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 27,5%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính Công ty được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) được lựa chọn tỷ giá áp dụng trong kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm thấp hơn giá gốc. Sau thời điểm lập dự phòng, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được được phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng công nợ khó đòi được thực hiện theo các quy định hiện hành.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận theo qui định hiện hành.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 42
Máy móc thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải	06

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên tiêu chuẩn hoạt động đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

<u>Loại BĐS đầu tư</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	18-50 năm
Nhà cửa	5-36 năm

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại:

Căn cứ tính thuế thu nhập hoãn lại là các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận căn cứ vào mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ. Công cụ dụng cụ chờ phân bổ là các chi phí công cụ xuất dùng một lần nhưng liên quan tới nhiều chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo nguyên giá.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu: theo số thực góp;

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận căn cứ vào phần chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá cổ phiếu và chênh lệch giữa giá mua lại so với giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

Các khoản giảm trừ doanh thu được ghi nhận theo đúng qui định bao gồm: Hàng hoá - dịch vụ bị trả lại, thuế GTGT được ghi nhận theo phương pháp trực tiếp của các loại hàng hoá theo qui định hiện hành.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí lãi vay được ghi nhận khi phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí lãi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí lãi vay thì khi đó chi phí lãi vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản sẽ được vốn hóa.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.
- Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.
- Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
V.1. Tiền		
Tiền mặt	780.522.534	1.634.748.150
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.202.657.453	2.999.244.264
Các khoản tương đương tiền	51.000.000.000	55.000.000.000
Cộng	58.983.179.987	59.633.992.414

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
a.Chứng khoán kinh doanh	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cty CP TMDV Bến Thành	162.572	162.572	-	707.349.920	707.349.920	-
Công ty CP Việt Thái	8.042.676.000	8.042.676.000	-	8.042.676.000	8.042.676.000	-
CTy CP ĐTXD và TM Thái Bình Dương	14.000.000.000	5.000.000.000	(9.000.000.000)	14.000.000.000	5.000.000.000	(9.000.000.000)
CTy CP DL Bến Thành - Non Nước	9.000.000.000	9.000.000.000	-	9.000.000.000	9.000.000.000	-
CTy CP Bảo Hiểm Toàn Cầu	6.300.000.000	1.260.000.000	(5.040.000.000)	6.300.000.000	1.260.000.000	(5.040.000.000)
Cty CP KD Khí Hóa Lông Miền Nam (PGS)	3.076.480.000	2.703.000.000	(373.480.000)	-	-	-

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	956.530.302	940.530.302	(16.000.000)				
Cty CP ĐT KD Tổng Hợp Điện Lực	13.500.000.000	13.500.000.000	-	13.500.000.000	13.500.000.000	-	
Cty CP Tập Đoàn Thép Tiến Lên	22.740	22.740	-	3.933.676.619	2.127.830.300	(1.805.846.319)	
Tổng Công ty CP DV Tổng hợp Dầu Khí	378.000.000	378.000.000	-	114.384.373	114.384.373	-	
Tổng cộng	55.253.871.614	40.824.391.614	(14.429.480.000)	55.598.086.912	39.752.240.593	(15.845.846.319)	
b. Đầu tư vốn góp vào đơn vị khác	Số cuối kỳ			Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
- Đầu tư vào công ty con							
Công ty cổ phần Đầu tư Savico	119.400.000.000	-	119.400.000.000				
Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	82.320.000.000	(1.862.555.742)	80.457.444.258	82.320.000.000	(1.347.961.387)	80.972.038.613	
Công ty CP Ô tô Nam Sông Hậu	46.500.000.000	(1.719.261.306)	44.780.738.694	36.000.000.000	-	36.000.000.000	
Công ty CP Ô tô Vĩnh Thịnh	18.000.000.000	(1.176.900.298)	16.823.099.702	18.000.000.000	-	18.000.000.000	
Công Ty TNHH TMDV Sài Gòn	7.102.684.814	-	7.102.684.814	7.102.684.814	-	7.102.684.814	
Công ty CP Ô tô Sài Gòn Cửu Long	10.100.000.000	-	10.100.000.000	10.100.000.000	-	10.100.000.000	
Công ty CP Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	16.000.000.000	(2.795.633.061)	13.204.366.939	15.300.000.000	-	15.300.000.000	
Công ty Cổ phần Ô tô S	7.976.400.000	(5.071.631.053)	2.904.768.947	5.317.600.000	(3.752.634.216)	1.564.965.784	
Công ty CP SAVICO Hà Nội	56.000.000.000	-	56.000.000.000	56.000.000.000	-	56.000.000.000	
Công ty CP Savico Đà Nẵng	21.000.000.000	-	21.000.000.000	21.000.000.000	-	21.000.000.000	
Công Ty CP Sài Gòn Ngôi Sao	9.012.515.000	-	9.012.515.000	9.012.515.000	-	9.012.515.000	
Công Ty Cổ phần dịch vụ Sài Gòn Ô tô	44.763.000.000	-	44.763.000.000	33.312.000.000	-	33.312.000.000	
Công Ty LD TOYOTA Giai Phóng	9.248.504.000	-	9.248.504.000	9.248.504.000	-	9.248.504.000	
Công Ty TNHH ô tô TOYOTA Cần Thơ	25.309.668.000	-	25.309.668.000	25.309.668.000	-	25.309.668.000	
Cộng	472.732.771.814	(12.625.981.460)	460.106.790.354	328.022.971.814	(5.100.595.603)	322.922.376.211	

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Công Ty TNHH						
Toyota Lý Thường Kiệt	30.600.000.000	-	30.600.000.000	30.600.000.000	-	30.600.000.000
Công ty Cổ phần						
Ôtô Bắc Âu (**)	19.200.000.000	-	19.200.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần						
Sao Tây Nam	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Công ty TNHH						
Comfortdelgro Savico Taxi	31.750.000.000	-	31.750.000.000	31.750.000.000	-	31.750.000.000
Công ty TNHH						
TMDVTH BT-SAVICO (*)	-	-	-	560.000.000	(427.373.896)	132.626.104
Công Ty CP						
TOYOTA Đông Sài Gòn	16.798.709.000	-	16.798.709.000	16.798.709.000	-	16.798.709.000
Công ty CP Dịch vụ ô tô Thành phố mới Bình Dương						
	8.250.000.000	-	8.250.000.000	8.250.000.000	(484.701.546)	7.765.298.454
Cộng	116.598.709.000	-	116.598.709.000	97.958.709.000	(912.075.442)	97.046.633.558
- Đầu tư dài hạn khác						
Công ty Cổ phần Ôtô Bắc Âu (**)	-	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Tổng cộng	589.331.480.814	(12.625.981.460)	576.705.499.354	426.981.680.814	(6.012.671.045)	420.969.009.769

(*) : Công ty TNHH TMDVTH BT- SAVICO đã hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp trong tháng 6/2016.

(**) : Công ty Cổ phần Ôtô Bắc Âu bắt đầu hoạt động và thực hiện lập báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc 31/03/2016 và được phân loại sang khoản mục đầu tư vào Công ty liên kết.

V.3. Phải thu khách hàng

Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng	1.611.437.033	1.293.473.970
- Phải thu khách hàng thuê kho, bãi	923.519.926	839.933.883
- Các khoản phải thu khách hàng khác	687.917.107	453.540.087

V.4. Phải thu khác

Nội dung	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	20.026.990.978	-	40.116.443.574	-
- Phải thu các bên có liên quan	18.841.057.511	-	9.662.414.496	-
- Phải thu về chuyển nhượng vốn	-	-	29.245.050.000	-
- Ký cược, ký quỹ	84.330.184	-	79.330.184	-
- Phải thu khác	1.101.603.283	-	1.129.648.894	-
b. Dài hạn	118.872.852.815	(966.127.325)	191.074.812.815	(1.830.507.240)
- Ký cược, ký quỹ	1.120.500.000	-	1.322.460.000	-

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Góp vốn hợp tác đầu tư (***)	113.406.731.568	(966.127.325)	113.406.731.568	(1.830.507.240)
- Hỗ trợ tài chính trong hệ thống	-		72.000.000.000	
- Phải thu khác	4.345.621.247		4.345.621.247	
Cộng	138.899.843.793	(966.127.325)	231.191.256.389	(1.830.507.240)

(***) Chi tiết các khoản mục **Góp vốn hợp tác đầu tư** như sau:

	Giá trị đầu tư	Dự phòng
- Trung tâm tiệc cưới Melisa (hợp tác Công ty CP TITCO)	11.242.855.756	(966.127.325)
- Dự án 9-15 Lê Minh Xuân (hợp tác Công ty CP TITCO)	792.176.070	-
- Dự án khu nhà ở Phường Bình An, Q.2 (hợp tác THUDUC HOUSE)	42.943.996.276	-
- Dự án Long Hòa - Cần Giờ (Hợp tác Công ty CP FIDECO)	58.427.703.466	-
Cộng	113.406.731.568	(966.127.325)

V.5. Hàng tồn kho

Nội dung	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	54.977.656	-	16.172.582	-
- Hàng hoá	59.288.271	-	47.936.184	-
- Chi phí SXKD dở dang	92.309.375.065	(21.975.574.661)	99.380.374.417	(21.975.574.661)
Cộng	92.423.640.992	(21.975.574.661)	99.444.483.183	(21.975.574.661)

V.6. Tài sản dở dang dài hạn

Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	84.848.266.934	77.531.507.069
Công trình Cao ốc văn phòng 277 - 279 Lý Tự Trọng,	37.239.592.510	28.197.102.382
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	243.853.083	241.318.083
Dự án 104 Phở Quang	47.364.821.341	37.958.276.918
Dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1	-	11.134.809.686

Thuyết minh cho chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang:

+ Dự án số 277-279 Lý Tự Trọng:	Đã hoàn tất công tác xây dựng vào tháng 4/2016. Đã bàn giao cho khách hàng để thi công phần nội thất.
+ Dự án Hồ Tràm – Xuyên Mộc:	Tiếp tục phối hợp với địa phương tiến hành đền bù, giải tỏa.
+ Dự án 104 Phở Quang:	Đang hợp tác với Công ty Novaland để phát triển dự án.
+ Dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1:	Đã thực hiện chuyển giao dự án sang Công ty con tiếp tục xây dựng tòa nhà văn phòng.

V.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	5.301.829.558	2.908.811.616	5.289.426.233	13.500.067.407

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Tăng trong kỳ	-	38.970.000	-	38.970.000
Giảm trong kỳ ⁽¹⁾	(3.143.871.704)	-	-	(3.143.871.704)
Số cuối kỳ	2.157.957.854	2.947.781.616	5.289.426.233	10.395.165.703
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	3.913.028.969	2.524.576.078	2.306.249.189	8.743.854.236
Khấu hao trong kỳ	151.336.566	135.417.090	429.028.272	715.781.928
Thanh lý	(2.288.713.527)	-	-	(2.288.713.527)
Số cuối kỳ	1.775.652.008	2.659.993.168	2.735.277.461	7.170.922.637
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	1.388.800.589	384.235.538	2.983.177.044	4.756.213.171
Số cuối kỳ	382.305.846	287.788.448	2.554.148.772	3.224.243.066

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: **4.480** triệu đồng.

⁽¹⁾ : Trong kỳ, Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ Phần Đầu tư Savico bằng tài sản bao gồm nhà và quyền sử dụng đất tại số 66 – 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM.

V.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	14.634.054.300	39.301.087.509	785.870.000	54.721.011.809
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ ⁽¹⁾	(14.634.054.300)	(39.301.087.509)	-	(53.935.141.809)
Số cuối kỳ	-	-	785.870.000	785.870.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	4.925.027.546	454.222.359	5.379.249.905
Khấu hao trong kỳ	-	392.937.720	87.499.998	480.437.718
Giảm trong kỳ	-	(5.317.965.266)	-	(5.317.965.266)
Số cuối kỳ	-	-	541.722.357	541.722.357
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	14.634.054.300	34.376.059.963	331.647.641	49.341.761.904
Số cuối kỳ	-	-	244.147.643	244.147.643

⁽¹⁾ : Trong kỳ, Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ Phần Đầu tư Savico bằng tài sản bao gồm nhà và quyền sử dụng đất tại số 66 – 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	218.141.983.365	-	6.469.949.820	154.365.478.645
- Nhà	27.744.508.647	-	6.469.949.820	21.274.558.827
- Nhà và quyền sử dụng đất ⁽¹⁾	187.337.247.704	-	57.306.554.900	130.030.692.804
- Cơ sở hạ tầng	3.060.227.014	-	-	3.060.227.014
Giá trị hao mòn	47.225.973.748	1.377.668.502	6.469.949.820	44.879.199.759
- Nhà	20.141.954.402	656.259.012	6.469.949.820	14.328.263.594
- Nhà và quyền sử dụng đất	24.266.212.822	3.378.013.596	-	27.644.226.418
- Cơ sở hạ tầng	2.817.806.524	88.903.223	-	2.906.709.747
Giá trị còn lại	170.916.009.617	-	1.377.668.502	109.486.278.886
- Nhà	7.602.554.245	-	656.259.012	6.946.295.233
- Nhà và quyền sử dụng đất	163.071.034.882	-	60.684.568.496	102.386.466.386
- Cơ sở hạ tầng	242.420.490	-	88.903.223	153.517.267

+ Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng: **8.748** triệu đồng.⁽¹⁾ : Trong kỳ, Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ Phần Đầu tư Savico bằng tài sản bao gồm nhà và quyền sử dụng đất tại số 66 – 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM.**V.10. Vay và nợ thuê tài chính**

Nội dung	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	36.907.195.770	36.907.195.770	39.644.966.900	7.782.356.272	5.044.585.142	5.044.585.142
NH Vietcombank TP.HCM	-	-	2.737.771.130	7.782.356.272	5.044.585.142	5.044.585.142
NH Vietinbank – CN 10	36.907.195.770	36.907.195.770	36.907.195.770	-	-	-
b. Vay dài hạn	-	-	4.784.868.000	50.477.985.890	45.693.117.890	45.693.117.890
+ Thanh toán trong vòng 12 tháng:	-	-	4.784.868.000	44.354.604.000	39.569.736.000	39.569.736.000
Vietcombank P.HCM	-	-	3.442.000.000	10.326.000.000	6.884.000.000	6.884.000.000
NH Eximbank	-	-	1.342.868.000	4.028.604.000	2.685.736.000	2.685.736.000
VPBANK	-	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Thanh toán trong vòng trên 12 tháng:	-	-	-	6.123.381.890	6.123.381.890	6.123.381.890
Vietcombank P.HCM	-	-	-	3.442.000.000	3.442.000.000	3.442.000.000
NH Eximbank	-	-	-	2.681.381.890	2.681.381.890	2.681.381.890
Cộng	36.907.195.770	36.907.195.770	44.429.834.900	58.260.342.162	50.737.703.032	50.737.703.032

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V.11. Phải trả người bán**

Nội dung	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	235.624.395	235.624.395	2.711.069.757	2.711.069.757
- Công ty CP XD và KD địa ốc Tân Kỳ	-	-	1.355.770.408	1.355.770.408
- Phải trả cho các đối tượng khác	235.624.395	235.624.395	1.355.299.349	1.355.299.349

V.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Nội dung	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
a. Phải nộp	12.435.385.001	10.591.395.593	14.432.967.570	2.900.612.721
- Thuế GTGT	1.650.770.786	2.555.488.070	4.009.033.425	197.225.431
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.871.698.097	2.689.704.185	10.843.615.585	717.786.697
- Thuế thu nhập cá nhân	856.084.818	2.960.167.430	3.140.692.717	675.559.531
- Các khoản phải nộp khác	1.056.831.300	2.386.035.908	2.132.826.146	1.310.041.062
b. Phải thu	233.342.702	233.342.702	185.167.964	185.167.964
- Thuế GTGT được khấu trừ	233.342.702	233.342.702	-	-
- Thuế TNCN	-	-	185.167.964	185.167.964

V.13. Chi phí phải trả

Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	12.878.735.160	11.346.547.839
- Chi phí thuê	3.713.784.400	2.685.927.840
- Chi phí sản xuất kinh doanh	838.950.760	6.120.000
- Phí dịch vụ tư vấn	8.326.000.000	8.654.499.999

V.14. Phải trả khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	159.593.655.301	185.973.949.211
- Các khoản trích theo lương (KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	538.284.346	454.074.276
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	159.883.505	582.554.795
- Nhận hỗ trợ vốn	-	1.350.562.476
- Nhận góp vốn các dự án (****)	154.757.185.810	179.521.996.545
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.138.301.640	4.064.761.119
b. Dài hạn	131.231.986.244	113.226.399.896
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.851.885.500	13.714.501.363
- Nhận góp vốn dự án 277-279 Lý Tự Trọng	74.540.586.910	56.672.384.699
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	42.839.513.834	42.839.513.834
Cộng	290.825.641.545	299.200.349.107

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(***) Các khoản nhận góp vốn các dự án:

- Dự án Tam Bình - Hiệp Bình Phước	47.683.164.209	63.874.447.722
- Dự án 104 Phổ Quang	107.074.021.601	109.791.148.823
- Dự án Quốc Lộ 13	-	5.856.400.000
Cộng	154.757.185.810	179.521.996.545

V.15. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ngắn hạn	1.023.262.366	1.243.818.186
- Dài hạn	50.223.333.298	50.833.333.300
Cộng	51.246.595.664	52.077.151.486

V.16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.903.989.999	1.903.989.999

V.17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu
Số dư 01/01/2015	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	71.502.075.713	662.770.493.464
Lợi nhuận sau thuế năm 2015	-	-	-	-	50.989.423.523	50.989.423.523
Phân bổ các quỹ	-	-	-	-	(4.294.858.535)	(4.294.858.535)
Cổ tức	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(29.970.608.400)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(2.147.429.267)	(2.147.429.267)
Trích thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(6.278.101.726)	(6.278.101.726)
Số dư 31/12/2015	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	79.800.501.308	671.068.919.059
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	38.227.186.145	38.227.186.145
Trích kinh phí hoạt động HĐQT					(549.471.176)	(549.471.176)
Trích thưởng Ban điều hành					(1.327.647.556)	(1.327.647.556)
Phân bổ các quỹ					(1.098.942.352)	(1.098.942.352)
Cổ tức					(34.965.709.800)	(34.965.709.800)
Số dư 30/09/2016	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	80.085.916.569	671.354.334.320

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	101.928.230.000	101.928.230.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	148.027.500.000	148.027.500.000
Cộng	249.955.730.000	249.955.730.000

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	249.955.730.000	249.955.730.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	34.965.709.800	29.970.608.400

Đại Hội ĐCĐ thường niên năm 2016 ngày 01/04/2016 đã thông qua tỉ lệ chi trả cổ tức cho năm 2015 là 14% trên mệnh giá. Năm 2016, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức vào tháng 6/2016.

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.995.573	24.995.573
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.995.573	24.995.573
+ Cổ phiếu phổ thông	24.995.573	24.995.573
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	20.066	20.066
+ Cổ phiếu phổ thông	20.066	20.066
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.975.507	24.975.507
+ Cổ phiếu phổ thông	24.975.507	24.975.507

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

VI.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 3/2016	Quý 3/2015
- Doanh thu bán hàng	1.500.892.171	927.637.562
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.634.392.862	12.604.085.632
- Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	161.353.800.000
Cộng	17.135.285.033	174.885.523.194
VI.2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	322.700.000
Trong đó:		
- Hàng bán bị trả lại	-	322.700.000
VI.3. Giá vốn hàng bán	Quý 3/2016	Quý 3/2015
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	863.220.532	623.438.954
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.585.340.240	6.349.676.271
- Giá vốn của bất động sản	-	215.935.632.511
Cộng	7.448.560.772	222.908.747.736

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI.4. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 3/2016	Quý 3/2015
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	138.376.184	1.354.846.348
- Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư	127.000.000	1.225.001.920
- Cổ tức lợi nhuận được chia	2.108.542.500	1.209.027.200
- Thu nhập từ chuyển nhượng vốn	-	59.000.000.000
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	127.000.000	1.706.280.000
Cộng	3.674.610.351	64.495.155.468
VI.5. Chi phí tài chính	Quý 3/2016	Quý 3/2015
- Lãi tiền vay	883.012.601	1.021.714.421
- Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	83.019.698	20.782.380
Cộng	966.032.299	1.042.496.801
VI.6. Thu nhập khác	Quý 3/2016	Quý 3/2015
- Thu do KH thanh lý HĐ trước hạn	10.000.000	22.000.000
- Thu từ thanh lý tài sản	-	38.545.455
- Các khoản khác	58.479.318	74.565.780
Cộng	68.479.318	135.111.235
VI.7. Chi phí khác	Quý 3/2016	Quý 3/2015
- Các khoản bị phạt	-	(2.208.171.359)
- Các khoản khác	913	161.228.571
Cộng	913	(2.046.942.788)
VI.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý 3/2016	Quý 3/2015
- Chi phí mua hàng hoá, nguyên vật liệu	1.220.275.819	216.632.196.406
- Chi phí nhân công	4.173.975.983	3.529.855.520
- Chi phí khấu hao và phân bổ	1.499.449.973	1.734.095.636
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.290.964.311	6.044.192.521
- Chi phí khác	1.632.084.813	2.272.999.522
Cộng	15.816.750.899	230.213.339.605
VI.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý 3/2016	Quý 3/2015
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	397.477.118	1.930.537.197

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**VII.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 39.644.966.900 đồng

VII.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 53.475.474.162 đồng

VIII. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH QUÝ 3/2016 SO VỚI QUÝ 3/2015

CHỈ TIÊU	Quý 3/2016	Quý 3/2015	Chênh lệch	
			+/-	%
1.Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.135.285.033	174.562.823.194	(157.427.538.161)	(90,18)
2.Giá vốn hàng bán	7.448.560.772	222.908.747.736	(215.460.186.964)	(96,66)
3.Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.686.724.261	(48.345.924.542)	58.032.648.803	(120,04)
4.Thu nhập từ hoạt động tài chính	2.708.578.052	63.452.658.667	(60.744.080.615)	(95,73)
5.Chỉ phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.368.190.127	7.304.591.869	1.063.598.258	14,56
6.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.027.112.186	7.802.142.256	(3.775.030.070)	(48,38)
7.Lợi nhuận khác	68.478.405	2.182.054.023	(2.113.575.618)	(96,86)
8.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.095.590.591	9.984.196.279	(5.888.605.688)	(58,98)

- ❖ **Doanh thu thuần, giá vốn, lãi gộp Quý 3/2016** biến động lớn so với cùng kỳ năm 2015 chủ yếu do trong kỳ không có phát sinh việc chuyển nhượng dự án bất động sản như cùng kỳ năm 2015.
- ❖ **Thu nhập từ hoạt động tài chính Quý 3/2016** giảm so với cùng kỳ năm 2015 chủ yếu do trong kỳ Công ty không có phát sinh lợi nhuận từ việc chuyển nhượng vốn đầu tư tương tự cùng kỳ năm 2015.
- ❖ **Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp Quý 3/2016** tăng so với cùng kỳ năm 2015 chủ yếu là do trong kỳ có phát sinh các khoản chi phí đào tạo và tư vấn.
- ❖ **Lợi nhuận khác** trong Quý 3/2016 giảm so với cùng kỳ năm 2015 là do trong kỳ Công ty không có phát sinh điều chỉnh giảm Chi phí khác (trong quý 3/2015 có phát sinh điều chỉnh giảm khoản chậm nộp theo thông báo của cơ quan thuế).
- ❖ Tổng hợp biến động của các chỉ tiêu trọng yếu làm tăng, giảm lợi nhuận nêu trên đã làm cho **lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 3/2016** giảm 5.888 triệu đồng tương ứng giảm 58,98% so với cùng kỳ năm 2015.

Tp.HCM, ngày 25 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thanh Phong

Ngô Văn Danh

Mai Việt Hà